

Số 206 /2022/QĐST-HNGĐ

Ứng Hoà, ngày 30 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 265/2022/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Trịnh Hoài T**, sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT: tổ 90, Phường V, Quận Hai Hà Trung, TP. Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Lê Thế Anh, sinh năm 1999

Trú tại: Tổ 5, khu 1B, Q, thị xã C, Tỉnh Quảng Ninh.

* *Bị đơn*: Anh **Lưu Tiến B**, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện U, TP. Hà Nội;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều: 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trịnh Hoài T và anh Lưu Tiến B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1, Về tình cảm: Chị Trịnh Hoài T và anh Lưu Tiến B thuận tình ly hôn.

2.2, Về con:

2.2.1, Về con chung: Chị Trịnh Hoài T và anh Lưu Tiến B xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lưu Bảo S, sinh ngày 06/10/2016. Giao anh Lưu Tiến B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lưu Bảo S anh B không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T cho đến khi anh B có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền thăm hỏi con chung.

2.2.2, Về con riêng: Chị Trịnh Hoài T và anh Lưu Tiến B đều xác nhận trước khi kết hôn với anh Bình chị Trịnh Hoài T có một con riêng là cháu Lưu Minh A, sinh ngày 24/10/2012. Do là con riêng của chị Thanh và hiện chị Thanh vẫn đang nuôi dưỡng, chăm sóc nên anh B và chị T không đề cập đến quyền và nghĩa vụ của anh B đối với cháu, đồng thời không yêu cầu xem xét giải quyết.

2.3, Về tài sản, công sức và công nợ chung:

2.3.1, Về tài sản, công sức chung: Chị Trịnh Hoài T và anh Lưu Tiến B đều xác nhận không có gì nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

2.3.2, Về công nợ chung: Chị Trịnh Hoài T và anh Lưu Tiến B đều xác nhận việc anh chị có 01 khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân tại Ngân hàng Đại Dương, theo Bản án số 24/2021/DSST ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, tính đến ngày 12/11/2021 số tiền là 465.929.553đ (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm năm mươi ba đồng*), cùng tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc, tiền án phí và chi phí tố tụng phải chịu. Do anh B nhận trách nhiệm trả nợ Ngân hàng toàn bộ các khoản tiền nói trên (tại bản án nói trên), nên anh chị thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán hoàn trả của chị T đối với anh Bình cụ thể như sau:

Chị Thanh có trách nhiệm thanh toán trả anh B 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), trả làm 03 lần cụ thể như sau:

+ Lần 1: chậm nhất hết ngày 30/8/2022, trả anh B 50.000.000đ;

(*Đã trả ngày 30/8/2022*)

+ Lần 2: chậm nhất hết ngày 30/10/2022, trả anh B 30.000.000đ;

+ Lần 3: chậm nhất hết ngày 30/12/2022, trả nốt anh B 40.000.000đ.

2.4, Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận việc chị Trịnh Hoài T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), số tiền này được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Số tiền được hoàn trả 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) chị T tự nguyện sung công quỹ Nhà nước (Theo Biên lai thu số 0057619 ngày 20/7/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa).

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chu cục THADS Ứng Hòa;
- UBND xã Hòa Xá;
- Lưu VP, HS vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Kiến